

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 94/2025/DS-ST

Ngày: 16 - 5 - 2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh;

2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Ngọc Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 914/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1.**

Địa chỉ trụ sở: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lã Ngọc M** – Chức vụ: Nhân viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q và khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1.

Địa chỉ: Lầu F, B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Trịnh Thanh S**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 trình bày:

Ngày 12 tháng 11 năm 2011, ông S có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông S, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Credit Classic 3639460918 với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng. Sau một thời gian sử dụng, đến ngày 27 tháng 10 năm 2012, ông S có đăng ký thêm thẻ Family Local Credit New 3641341338 với hạn mức sử dụng chung là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 39.808.800 đồng (trong đó thẻ V 3639460918 là 23.410.800 đồng, thẻ F 3641341338 là 16.398.000 đồng)

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 46.064.442 đồng (trong đó thẻ V 3639460918 là 32.191.442 đồng, thẻ F 3641341338 là 13.873.000 đồng). Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông S vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ (trong đó thẻ Visa Credit Classic 3639460918 ngày 23 tháng 6 năm 2016, thẻ F 3641341338 ngày 26 tháng 6 năm 2016) và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 16 tháng 5 năm 2025, ông S còn nợ tổng số tiền 63.020.099 đồng, cụ thể như sau:

Số tài khoản	Nợ gốc	Lãi quá hạn	Dư nợ	Lãi suất áp dụng
3639460918	3.331.436	11.627.507	14.958.943	3.225% (2,15%*150%)

3641341338	9.493.406	38.567.750	48.061.156	3.75% (2.50%*150%)
TỔNG	12.824.842	50.195.257	63.020.099	

Mặc dù, Ngân hàng đã yêu cầu ông S có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông S vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xem xét, giải quyết:

1. Buộc ông Trịnh Thanh S phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 tổng số tiền nợ 02 thẻ tín dụng tính đến ngày 16 tháng 5 năm 2025 là 63.020.099đ (Sáu mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn không trăm chín mươi chín đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 12.824.842 đồng
- Lãi quá hạn: 50.195.257 đồng

2. Buộc ông Trịnh Thanh S có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh 02 thẻ tín dụng từ ngày 17 tháng 5 năm 2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Trịnh Thanh S đã được Tòa án triệu tập họp lệ để làm việc; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định; Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được bảo đảm theo quy định của pháp luật. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, đối chiếu các quy định của pháp luật, có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 về việc buộc bị đơn ông Trịnh Thanh S có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 16

tháng 5 năm 2025 là 63.020.099đ (Sáu mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn không trăm chín mươi chín đồng), (trong đó, nợ gốc là 12.824.842 đồng, lãi quá hạn là 50.195.257 đồng); lãi phát sinh từ ngày 17 tháng 5 năm 2025 theo thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ. Về án phí: Bị đơn ông Trịnh Thanh S phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về tư cách tố tụng, quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Thanh S, địa chỉ cư trú: A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, trả tiền gốc và lãi theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) đã ký kết giữa các bên. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, các điều 35, 39, 40, 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 4, 7 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 được xác định là nguyên đơn, ông Trịnh Thanh S được xác định là bị đơn trong vụ án; quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của các đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lã Ngọc M đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trịnh Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Theo lời khai và các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp thể hiện: Căn cứ vào các Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng của ông Trịnh Thanh S, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 đã cấp thẻ tín dụng V số tài khoản 3639460918 với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng và thẻ tín dụng F New số tài khoản 3641341338 với hạn mức sử dụng chung là 15.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện khoản vay thẻ nêu trên, ông S đã vi phạm nghĩa vụ

thanh toán nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 đã chuyển dư nợ sang nợ quá hạn và chấm dứt việc sử dụng thẻ của ông S (trong đó thẻ Visa Credit Classic 3639460918 chấm dứt ngày 23 tháng 6 năm 2016, thẻ F 3641341338 chấm dứt ngày 26 tháng 6 năm 2016). Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trịnh Thanh S trả cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 16 tháng 5 năm 2025 là 63.020.099đ (Sáu mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn không trăm chín mươi chín đồng), (trong đó, nợ gốc là 12.824.842 đồng, lãi quá hạn là 50.195.257 đồng); lãi phát sinh từ ngày 17 tháng 5 năm 2025 theo thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Theo kết quả xác minh tại địa phương, ông Trịnh Thanh S không đăng ký thường trú, tạm trú và tại thời điểm xác minh cũng không sinh sống tại địa chỉ: A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Tuy nhiên, ông Trịnh Thanh S trước đây có một thời gian sống tại địa chỉ trên nhưng đã bỏ đi nơi khác và địa phương không biết ông S hiện nay cư trú tại đâu. Xét thấy, khi vay tiền bị đơn ông Trịnh Thanh S có viết địa chỉ cụ thể vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, khi thay đổi địa chỉ ông S không thông báo cho Ngân hàng biết nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Vì vậy khi giải quyết vụ án Tòa án đã căn cứ vào địa chỉ trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng mà ông S đã ký kết với Ngân hàng để giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trịnh Thanh S nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do nên không cung cấp văn bản ý kiến và tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, việc các bên ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng là tự nguyện, thỏa thuận giữa các bên phù hợp với các quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp thể hiện bị đơn ông S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với các thẻ tín dụng theo như thỏa thuận của các bên. Vì vậy, việc nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trịnh Thanh S trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày ngày 16 tháng 5 năm 2025 là 63.020.099đ (Sáu mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn không trăm chín mươi chín đồng), (trong đó, nợ gốc là 12.824.842 đồng, lãi quá hạn là 50.195.257 đồng); lãi phát sinh từ ngày 17 tháng 5 năm 2025 theo thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín

dụng cho đến khi thanh toán hết nợ là phù hợp với các Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng các bên đã ký kết. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trịnh Thanh S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nên cần chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, 40, 68, khoản 1 Điều 147, Điều 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 4, 99, 100, 103 và 107 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Các điều 116, 117, 385, 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q1.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 đối với bị đơn ông Trịnh Thanh S về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bị đơn ông Trịnh Thanh S có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 tổng số tiền tính đến ngày ngày 16 tháng 5 năm 2025 là 63.020.099đ (Sáu mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn không trăm chín mươi chín đồng), (trong đó, nợ gốc là 12.824.842 đồng, lãi quá hạn là 50.195.257 đồng).

Kể từ ngày 17 tháng 5 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong số tiền trên, bị đơn ông Trịnh Thanh S còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã được ký kết giữa các bên. Trường hợp các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Trịnh Thanh S phải chịu 3.151.005đ (Ba triệu một trăm năm mươi một nghìn không trăm lẻ năm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 số tiền 1.480.111đ (Một triệu bốn trăm tám mươi nghìn một trăm mười một đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005534 ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Bảo